

Bản án số: 101/2023/KDTM-PT

Ngày: 07-9-2023

V/v tranh chấp giữa các thành
viên công ty

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Duẩn, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hùng, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17/8, ngày 31/8 đến ngày 07/9/2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2023/TLPT-KDTM ngày 04/01/2023 về “Tranh chấp giữa các thành viên công ty”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 1487/2022/KDTM-ST ngày 06/9/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1923/2023/QĐPT-DS ngày 28/7/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Tôn Nữ Tuyết V; Địa chỉ: B Cư xá N, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà V: Bà Trần Thị Kim H, là Luật sư của Công ty L1 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố HMinh (có mặt).

- Bị đơn: Công ty TNHH S1; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện pháp luật: Bà Đặng Thị O; Chức vụ: Tổng Giám đốc (có mặt).

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn Đ; Địa chỉ: D H, Phường I, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, (theo Giấy ủy quyền ngày 26/4/2022) (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đoàn Thị H1; Địa chỉ: B T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà H1: Ông Nguyễn Văn Đ (có căn cước nêu trên, theo Giấy ủy quyền ngày 26/4/2022, có mặt).

2. Bà Đặng Thị O; Địa chỉ: I P, Khu phố D, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Bà Trần Thị Kiều O1; Địa chỉ: E Đ, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

4. Bà Võ Thị Mỹ D; Địa chỉ: F N, Phường G, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

5. Bà Lê Thị K

6. Bà Nguyễn Hùng Khánh T

7. Ông Nguyễn Hùng L

8. Bà Nguyễn Hùng Khánh V1

Cùng địa chỉ: 8 T, Phường E, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (cùng vắng mặt).

9. Ông Nguyễn Việt C; Địa chỉ: 1 N, Phường F, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của các ông bà Tôn Nữ Tuyết V, Trần Thị Kiều O1, Võ Thị Mỹ D, Nguyễn Việt C, Lê Thị K, Nguyễn Hùng Khánh T, Nguyễn Hùng L, Nguyễn Hùng Khánh V1: Công ty L1 (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 14/11/2017, ngày 10/01/2018, được văn phòng C2).

Người đại diện hợp pháp của Công ty L1 và Cộng Sự:

1. Ông Huỳnh Phi H2

2. Bà Đặng Thị Kim N

Cùng địa chỉ liên lạc: D T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Văn bản ủy quyền ngày 09/5/2022, cùng có mặt).

- Người kháng cáo:

1. Bà Tôn Nữ Tuyết V là nguyên đơn.

2. Công ty TNHH S1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/11/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 30/7/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Công ty S1 được Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 03/12/2001. Trụ sở chính tại ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, do vợ chồng ông Nguyễn Việt H3 và bà Lê Thị K làm chủ sở hữu với vốn điều lệ là 15 tỷ đồng.

Năm 2008, bà Đặng Thị O thỏa thuận với các bà Tôn Nữ Tuyết V, Võ Thị Mỹ D và Trần Thị Kiều O1 cùng góp vốn vào Công ty S1 với tư cách là thành viên Công ty để mua khu đất có nhà xưởng của Công ty S1. Cụ thể bà Tôn Nữ Tuyết V góp 7 tỷ đồng (tương đương 20% tỷ lệ vốn góp), bà Trần Thị Kiều O1 góp 5,25 tỷ đồng (tương đương 15% tỷ lệ vốn góp), bà Võ Thị Mỹ D góp 5,25 tỷ đồng (tương đương 15% tỷ lệ vốn góp) và ông Nguyễn Việt H3 góp 3,5 tỷ đồng (tương đương 10% tỷ lệ vốn góp).

Các thành viên góp vốn đã góp đủ số vốn nêu trên và thống nhất để bà Đặng Thị O làm Tổng giám đốc - kiêm Chủ tịch hội đồng thành viên Công ty. Bà Đặng Thị O đã nhận đủ tiền góp vốn của các thành viên và đại diện Công ty S1 ký nhận vào phiếu thu tiền góp vốn, Công ty S1 đã cấp Giấy chứng nhận góp vốn cho các thành viên, ghi nhận tên của các thành viên vào sổ sách tại Công ty. Đồng thời, làm thủ tục tăng vốn điều lệ từ 15 tỷ đồng lên 88 tỷ đồng tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H.

Thời gian đầu Công ty đã chia lãi theo tỷ lệ vốn góp cho các thành viên từ ngày 15/5/2008 đến ngày 27/9/2008 và các thành viên cùng tham gia hoạt động điều hành Công ty, nhưng sau đó bà Đặng Thị O không cho các cổ đông tham gia vào hoạt động của Công ty, cũng như không tổ chức họp Hội đồng thành viên thường kỳ hàng năm theo điều lệ để giải quyết các công việc của Công ty, đã xảy ra nhiều sai phạm: Nợ thuế, nợ Ngân hàng, nợ Bảo hiểm xã hội, giả mạo hồ sơ chuyển nhượng vốn góp. Do đó, các thành viên góp vốn là các bà Tôn Nữ Tuyết V, Võ Thị Mỹ D, Trần Thị Kiều O1 và các đồng thừa kế của ông Nguyễn Việt H3 (là bà Lê Thị K, bà Nguyễn Hùng Khánh V1; bà Nguyễn Hùng Khánh T, ông Nguyễn Việt C, ông Nguyễn Hùng L) đã nhiều lần gửi đơn cho bà Đặng Thị O, Tổng Giám đốc Công ty S1 yêu cầu triệu tập cuộc họp bất thường thành viên Công ty nhưng bà Đặng Thị O từ chối và không thực hiện.

Do đó, bà Tôn Nữ Tuyết V đã nộp đơn khởi kiện Công ty S1 yêu cầu:

- Được kiểm tra, xem xét, tra cứu, sao chép hoặc trích lục sổ đăng ký thành viên, sổ ghi chép và theo dõi các giao dịch, sổ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm, sổ biên bản họp Hội đồng thành viên của Công ty;

- Được chia lợi nhuận tương ứng với phần vốn góp sau khi Công ty đã nộp thuế và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã nhiều lần nguyên đơn và các thành viên yêu cầu bà Đặng Thị O, Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng

Giám đốc Công ty S1 phải tổ chức cuộc họp Hội đồng thành viên để giải quyết các công việc của Công ty S1 nhưng bà Đặng Thị O không đồng ý.

Ngày 11/11/2017, ngày 29/11/2017, ngày 09/5/2018, ngày 18/6/2018 các bà Tôn Nữ Tuyết V, Võ Thị Mỹ D, Trần Thị Kiều O1 và các ông, bà thừa kế quyền, lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Việt H3 đã lập các Thông báo về việc triệu tập cuộc họp Hội đồng thành viên Công ty, ngày sẽ tổ chức cuộc họp và đã gửi thư chuyển phát nhanh đến Công ty và tất cả các thành viên trong Công ty. Nhưng bà Đặng Thị O và con gái bà O là bà Đoàn Thị H1 - thành viên Công ty S1 không có mặt, nên cuộc họp không tiến hành được.

Ngày 03/7/2018, các thành viên nêu trên lập Đơn yêu cầu về việc triệu tập cuộc họp bất thường Hội đồng thành viên Công ty S1 và có yêu cầu Văn phòng Thừa phát lại huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh tổng đạt văn bản (được ghi nhận trong Vi bằng số 6111 ngày 03/07/2018). Trong đơn có ấn định ngày 18/7/2018 sẽ tiến hành cuộc họp.

Ngày 18/7/2018, các thành viên có mặt tại Công ty S1 để tiến hành họp nhưng bà Đặng Thị O, bà Đoàn Thị H1 vắng mặt và không cho các thành viên vào Công ty tổ chức cuộc họp. Do đó, các thành viên đã tổ chức cuộc họp bất thường Hội đồng thành viên Công ty S1 bên ngoài trụ sở Công ty. Sự việc này được Thừa phát lại ghi nhận đầy đủ trong Vi bằng số 6413 ngày 18/7/2018 và các thành viên có mặt đã lập biên bản cuộc họp Hội đồng thành viên ngày 18/7/2018, đồng thời ban hành Quyết định của Hội đồng thành viên ngày 18/7/2018 với nội dung đề cử bà Tôn Nữ Tuyết V làm Tổng giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty S1, giao cho bà Tôn Nữ Tuyết V liên hệ với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền để thực hiện thủ tục chuyển giao con dấu, hồ sơ, sổ sách từ bà Đặng Thị O theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 30/7/2018, nguyên đơn bổ sung đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Được kiểm tra, xem xét, tra cứu, sao chép hoặc trích lục sổ đăng ký thành viên, sổ ghi chép và theo dõi các giao dịch, sổ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm, sổ biên bản họp Hội đồng thành viên của Công ty S1;

2. Công nhận biên bản họp Hội đồng thành viên về việc triệu tập cuộc họp bất thường Hội đồng thành viên ngày 18/7/2018 và Quyết định ngày 18/7/2018 của Hội đồng thành viên Công ty L2 có giá trị pháp lý;

3. Buộc bị đơn Công ty S1 thực hiện Quyết định ngày 18/7/2018 của Hội đồng thành viên Công ty.

Bị đơn là Công ty S1 do ông Nguyễn Văn Đ đại diện hợp pháp trình bày:

Đầu năm 2008, bà Đặng Thị O nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu công trình xây dựng tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty S1 do ông Nguyễn Việt H3 và bà Lê Thị K là thành viên góp vốn, giá trị chuyển nhượng là 35 tỷ đồng. Sau khi thanh toán 15,2 tỷ đồng thì bà Đặng Thị O mới biết quyền sử dụng đất của

Công ty S1 là đất thuê không được chuyển nhượng cho cá nhân nên bà Đặng Thị O thỏa thuận chuyển nhượng mua lại vốn góp của ông H3, bà K tại Công ty S1. Thời điểm này bà Đặng Thị O có vay tiền của các bà Tôn Nữ Tuyết V, Trần Thị Kiều O1 và Võ Thị Mỹ D. Bà Đặng Thị O cũng mong muốn mọi người cùng góp vốn vào Công ty S1 nên đã thỏa thuận cùng góp vốn trong Công ty S1, vốn điều lệ đăng ký thay đổi từ 15 tỷ đồng lên 88 tỷ đồng nhưng khi hạch toán sổ sách chứng từ căn cứ trên vốn chủ sở hữu là 35 tỷ đồng bằng với giá trị chuyển nhượng tài sản. Trên thực tế, chỉ có ông Nguyễn Việt H3 còn giữ 10% tỷ lệ góp vốn tương đương 3,5 tỷ đồng, bà Võ Thị Mỹ D chuyển tiền vay và tiền lãi do bà Đặng Thị O vay sang tiền góp vốn, những người còn lại không góp vốn bao gồm bà Tôn Nữ Tuyết V, bà Trần Thị Kiều O1 và ông Phan Thanh H4. Sau khi chuyển nhượng đứng tên đại diện pháp luật Công ty S1, bà Đặng Thị O đã đại diện Công ty S1 thế chấp tài sản là nhà xưởng của Công ty S1 để vay số tiền 20 tỷ đồng từ Ngân hàng A và thanh toán tiền chuyển nhượng vốn góp cho vợ chồng ông H3, bà K đủ 35 tỷ đồng.

Việc Công ty S1 phát hành Giấy chứng nhận góp vốn cho các thành viên Công ty chỉ là hình thức nhằm hợp thức hóa hồ sơ đăng ký kinh doanh, hồ sơ báo cáo tài chính kế toán. Trên thực tế tất cả các thành viên Công ty chưa góp vốn vào Công ty, chỉ bà Đặng Thị O nộp tiền vào tài khoản Công ty, ông H3 thì được giữ lại tỷ lệ 10% do sở hữu Công ty cũ chuyển sang và bà Võ Thị Mỹ D chuyển nợ vay cá nhân sang thành tiền góp vốn chiếm tỷ lệ 15% trên số vốn đăng ký hoạt động 35 tỷ đồng.

Bà Tôn Nữ Tuyết V có tên là thành viên góp vốn trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty S1 nhưng trên thực tế bà Tôn Nữ Tuyết V không góp vốn vào Công ty, bản chất vụ việc là bà Tôn Nữ Tuyết V đã yêu cầu bà Đặng Thị O phải thế chấp cổ phần của bà Đặng Thị O và đóng tiền góp vốn thay cho bà Tôn Nữ Tuyết V, nhằm đảm bảo số tiền mà cá nhân bà Tôn Nữ Tuyết V đã cho bà Đặng Thị O vay.

Bà Trần Thị Kiều O1 có tên là thành viên Công ty S1 là do bà Trần Thị Kiều O1 và bà Đặng Thị O có mối quan hệ vay tiền với nhau. Đến tháng 02/2008, do bà Đặng Thị O chưa thanh toán tiền gốc và lãi nên bà Trần Thị Kiều O1 đã yêu cầu bà Đặng Thị O ghi nhận số tiền góp vốn của bà Trần Thị Kiều O1 tại Công ty S1 với tỷ lệ 15%/35 tỷ đồng, tương đương số tiền 5,25 tỷ đồng để đảm bảo số tiền nợ vay. Hai bên thỏa thuận khi bà Đặng Thị O thanh toán xong số tiền nợ vay thì bà Trần Thị Kiều O1 sẽ làm thủ tục chuyển nhượng sang tên phần vốn góp của bà Trần Thị Kiều O1 cho bà Đặng Thị O. Như vậy, bà Trần Thị Kiều O1 có tên là thành viên góp vốn trong Công ty S1 nhưng thực tế không góp vốn vào Công ty. Mặc dù, Công ty S1 có phát hành phiếu thu và Giấy chứng nhận góp vốn cho bà Trần Thị Kiều O1 nhưng trong quỹ tiền mặt của Công ty vào thời điểm đó không có khoản tiền góp vốn 5,25 tỷ đồng của bà Trần Thị Kiều O1.

Khi chuyển nhượng toàn bộ tài sản Công ty S1 cho bà Đặng Thị O, ông Nguyễn Việt H3 có cam kết phải thực hiện thanh toán toàn bộ các khoản nợ thuế, công nợ khách hàng và các nghĩa vụ tài chính khác...của Công ty S1 trước khi bàn giao Công ty. Phần vốn góp 10% tương đương 3,5 tỷ đồng của ông Nguyễn Việt H3 tại Công ty là để ông Nguyễn Việt H3 phụ trách hoạt động kinh doanh nhằm thanh toán các khoản công nợ của Công ty đến thời điểm bàn giao. Tại Biên bản họp Hội đồng thành viên ngành 20/4/2009, các bên xác định: *thời điểm chuyển giao Công ty ngày 17/02/2009 trở về trước, ông H3 chịu mọi trách nhiệm về các hoạt động kinh doanh của Công ty, tất cả các khoản công nợ phải trả trước thời điểm bàn giao ông H3 có nghĩa vụ phải trả, tất cả các khoản thu trước thời điểm bàn giao 17/02/2009 ông H3 sẽ được hưởng. Nếu số tiền phải trả lớn hơn số tiền phải thu, thì ông H3 phải nộp số chênh lệch cho Công ty. Nếu số phải thu lớn hơn số phải trả thì Công ty phải trả cho ông H3 số tiền chênh lệch.... Nếu số tiền phải trả cho khách hàng lớn hơn số ông H3 còn được hưởng, ông H3 có trách nhiệm trả lại cho Công ty số chênh lệch, nếu không trả được sẽ trừ vào số vốn góp của ông H3 tại Công ty*". Cũng tại Biên bản này, các bên đã xác nhận "*Số công nợ khách hàng đã được báo cáo xác nhận từ cuối tháng 12/2008 là 3.168.713.226 đồng*".

Ngoài số tiền công nợ khách hàng tính đến cuối tháng 12/2008 được xác định nêu trên, Công ty S1 còn nợ tiền thuế thu nhập doanh nghiệp là 3.216.955.201 đồng, số tiền quá hạn nộp phải thực hiện cưỡng chế nợ thuế là 3.189.443.793 đồng và tiền thuê đất là 277.094.777 đồng. Tổng số tiền còn nợ phải thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước là 6.683.533.771 đồng. Như vậy, tổng số tiền ông Nguyễn Việt H3 có nghĩa vụ phải thanh toán là 9.852.246.997 đồng. Đây là nghĩa vụ mà ông Nguyễn Việt H3 đã cam kết thanh toán, nếu không thanh toán sẽ được trừ vào số vốn góp của ông Nguyễn Việt H3 trong Công ty S1 theo nội dung Biên bản họp Hội đồng thành viên ngày 20/4/2009 của Công ty S1. Do đó, yêu cầu Tòa án xem xét trừ số tiền ông Nguyễn Việt H3 có trách nhiệm phải trả vào vốn góp của ông Nguyễn Việt H3 tại Công ty S1, số tiền chênh lệch còn lại bị đơn sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác để yêu cầu những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Nguyễn Việt H3 tiếp tục thanh toán cho Công ty S1.

Ngày 15/8/2018, bị đơn Công ty S1 đã nộp đơn phản tố yêu cầu Tòa án xác định bà Tôn Nữ Tuyết V, bà Trần Thị Kiều O1 không góp vốn vào Công ty S1 và bác bỏ tư cách thành viên góp vốn của bà Tôn Nữ Tuyết V, bà Trần Thị Kiều O1 trong Công ty S1. Đồng thời, xác định ông Nguyễn Việt H3 không còn vốn góp và khai trừ tư cách thành viên của ông Nguyễn Việt H3 trong Công ty S1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đoàn Thị H1 (do ông Nguyễn Văn Đ đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Bà H1 là con gái của bà Đặng Thị O và là thành viên góp vốn với tỷ lệ vốn góp là 10% vốn điều lệ của người đại diện theo ủy quyền của Công ty S1, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện hợp pháp người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị Mỹ D trình bày:

Năm 2008, bà Võ Thị Mỹ D cùng bà Tôn Nữ Tuyết V, bà Trần Thị Kiều O1 và bà Đặng Thị O đồng ý cùng nhận chuyển nhượng khu nhà xưởng của Công ty S1 với giá 35 tỷ đồng bằng hình thức chuyển nhượng phần vốn góp Công ty S1. Các thành viên cam kết và thống nhất góp vốn theo từng giai đoạn theo Biên bản họp Hội đồng thành viên số 01/08/BB ngày 15/02/2008. Theo tiến độ đã cam kết thì bà Võ Thị Mỹ D đã nộp 5,25 tỷ đồng vào Công ty S1 theo Phiếu thu số 05 ngày 01/4/2008 và Công ty S1 cấp Giấy chứng nhận góp vốn số 02/GCN-GV ngày 21/4/2008 cho bà Võ Thị Mỹ D. Đầu năm 2009, bà Đặng Thị O có ý tước đoạt quyền thành viên góp vốn vào Công ty S1, giả mạo chữ ký của các thành viên Công ty C3 sang cho mình, đồng thời làm thất thoát toàn bộ tài sản của Công ty S1 nên ngày 09/5/2018, bà Võ Thị Mỹ D làm đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Được kiểm tra, xem xét, tra cứu, sao chép hoặc trích lục sổ đăng ký thành viên, sổ ghi chép và theo dõi các giao dịch, sổ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm, sổ biên bản họp Hội đồng thành viên của Công ty S1;

- Được chia lợi nhuận tương ứng với phần vốn góp sau khi Công ty đã nộp thuế và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

- Buộc triệu tập Hội đồng thành viên bất thường Công ty S1 về việc:

- + Giải trình các khoản nợ mà Công ty S1; tình hình Công ty S1 cho bao nhiêu Công ty thuê đất để làm trụ sở; tình hình hoạt động của Công ty từ năm 2009 cho đến nay;

- + Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty S1;

- + Giao trả con dấu Công ty S1 cho người đại diện theo pháp luật mới nắm giữ.

Đại diện hợp pháp người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Kiều O1 trình bày:

Bà Trần Thị Kiều O1 là thành viên góp vốn và nộp tiền mặt với số tiền 5,25 tỷ đồng vào Công ty S1 theo Phiếu thu số 04 ngày 01/4/2008, Công ty S1 cấp Giấy chứng nhận góp vốn số 03/GCN-GV ngày 21/4/2008. Bà Trần Thị Kiều O1 thống nhất với lời trình bày của bà Tôn Nữ Tuyết V và bà Võ Thị Mỹ D. Bà Đặng Thị O cho rằng bà Trần Thị Kiều O1 chưa góp vốn là không đúng, vì sau khi bà nộp đủ tiền góp vốn thì bà Đặng Thị O đã thay mặt Công ty viết Phiếu thu tiền số 03 ngày 01/4/2018 và cấp Giấy chứng nhận góp vốn số 03/GCN-GV ngày 21/4/2008 cho bà Trần Thị Kiều O1, sau đó bà Trần Thị Kiều O1 còn được nhận tiền chia lợi nhuận theo tỷ lệ góp vốn. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của bị đơn và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các thành viên góp vốn trong Công ty S1.

Đại diện hợp pháp người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của bà Lê Thị K, ông Nguyễn Văn C1 bà Nguyễn Hùng Khánh T, bà Nguyễn Hùng Khánh V1, ông Nguyễn Hùng L trình bày:

Công ty S1 được thành lập vào năm 2001, do ông Nguyễn Việt H3 và bà Lê Thị K làm chủ sở hữu, với vốn điều lệ là 15 tỷ đồng. Năm 2008, vợ chồng ông Nguyễn Việt H3 đồng ý chuyển nhượng toàn bộ khu đất nhà xưởng Công ty cho bà Tôn Nữ Tuyết V, bà Võ Thị Mỹ D, bà Trần Thị Kiều O1 và bà Đặng Thị O bằng hình thức chuyển nhượng phần vốn Công ty S1 với số tiền 35 tỷ đồng. Do các bí quyết và công nghệ sản xuất của Công ty S1 nên các thành viên mới đề nghị ông Nguyễn Việt H3 phải giữ lại 10% giá trị vốn góp Công ty S1. Theo như Biên bản họp Hội đồng thành viên số 01/08/BB ngày 15/02/2008 và Biên bản họp Hội đồng thành viên số 03/08/BBHHDQT ngày 11/5/2008 thì Công ty S1 đã cấp Giấy chứng nhận góp vốn số 07/GCN-GV ngày 11/07/2008 chứng nhận ông Nguyễn Việt H3 là thành viên góp vốn, có số vốn góp là 3,5 tỷ đồng tương đương 10% tỷ lệ vốn góp của Công ty S1. Năm 2017, ông Nguyễn Việt H3 chết không để lại di chúc. Bà Lê Thị K vợ ông Nguyễn Việt H3 đã làm thủ tục kê khai di sản thừa kế có xác nhận của Văn phòng C2 ngày 31/5/2017 và đã xác định người kế thừa quyền, nghĩa vụ hợp pháp theo pháp luật của ông Nguyễn Việt H3 tại Công ty S1 gồm vợ, con của ông Nguyễn Việt H3 là: Bà Lê Thị K, ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Hùng Khánh T, bà Nguyễn Hùng Khánh V1, ông Nguyễn Hùng L đại diện cho phần vốn góp của ông Nguyễn Việt H3 tại Công ty S1.

Việc bị đơn có yêu cầu Tòa án xác định ông Nguyễn Việt H3 không còn vốn góp 10% tỷ lệ vốn góp trong Công ty và yêu cầu khai trừ tư cách thành viên góp vốn của ông Nguyễn Việt H3 là không có cơ sở và đã hết thời hiệu khởi kiện, do từ thời điểm bàn giao Công ty S1 từ ông Nguyễn Việt H3 cho các thành viên nhận chuyển nhượng đến nay, không bao giờ Công ty S1 yêu cầu ông Nguyễn Việt H3 phải thanh toán nợ. Do đó, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của Công ty S1. Bà Lê Thị K, ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Hùng Khánh T, bà Nguyễn Hùng Khánh V1, ông Nguyễn Hùng L nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Tôn Nữ Tuyết V và bà Võ Thị Mỹ D.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 353/2019/KDTM-ST ngày 10/4/2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Tôn Nữ Tuyết V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Võ Thị Mỹ D về việc: Buộc Công ty TNHH S1 phải cho các thành viên là bà Tôn Nữ Tuyết V và bà Võ Thị Mỹ D được kiểm tra, xem xét, tra cứu, sao chép hoặc trích lục sổ đăng ký thành viên, sổ ghi chép và theo dõi các giao dịch, sổ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm, sổ biên bản họp Hội đồng thành viên của Công ty TNHH S1.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Tôn Nữ Tuyết V về việc yêu cầu: Công nhận Biên bản cuộc họp Hội đồng thành viên ngày

13/7/2018 của các thành viên Công ty TNHH S1 và Quyết định của Hội đồng thành viên ngày 13/1/2018 của Công ty TNHH S1 có giá trị pháp lý.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Tôn Nữ Tuyết Vân về việc Buộc Công ty TNHH S1 phải thực hiện Quyết định của Hội đồng thành viên ngày 18/7/2018.

4. Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn - Công ty TNHH S1 về việc yêu cầu Tòa án xác định bà Tôn Nữ Tuyết V không có góp vốn và bác bỏ tư cách thành viên góp vốn của bà Tôn Nữ Tuyết V trong Công ty TNHH S1.

5. Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn - Công ty TNHH S1 về việc yêu cầu Tòa án xác định bà Trần Thị Kiều O1 không có góp vốn và bác bỏ tư cách thành viên góp vốn của bà Trần Thị Kiều O1 trong Công ty TNHH S1.

6. Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn - Công ty TNHH S1 về yêu cầu Tòa án xác định thành viên góp vốn của ông Nguyễn Việt H3 không còn vốn góp trong Công ty và khai trừ tư cách thành viên góp vốn của ông Nguyễn Việt H3 trong Công ty TNHH S1.

Ngày 19/4/2019, bị đơn Công ty S1 và bà Đặng Thị O kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 65/2019/KDTM-PT ngày 14/10/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị O. Sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm số 353/2019/KDTM-ST ngày 10/4/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tôn Nữ Tuyết V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Mỹ D đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn S1, cụ thể: Được kiểm tra, sao chép trích lục sổ đăng ký thành viên, báo cáo tài chính hàng năm, công nhận biên bản và quyết định của Hội đồng thành viên ngày 13/7/2018, thực hiện quyết định của Hội đồng thành viên ngày 18/7/2018.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 xác định: Bà Tôn Nữ Tuyết V, bà Trần Thị Kiều O1, ông Nguyễn Việt H3, bà Võ Thị Mỹ D không có góp vốn vào Công ty S1 nên không phải là thành viên Công ty.

3. Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 hoàn chỉnh lại các thủ tục và tiến hành đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H đúng với vốn điều lệ thực tế và đúng thành viên của Công ty.

Ngày 02/12/2019, bà Tôn Nữ Tuyết V, bà Võ Thị Mỹ D và bà Lê Thị K có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 10/KN-KDTM ngày 16/4/2021, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 65/2019/KDTM-PT ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 65/2019/KDTM-PT ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm, đúng quy định của pháp luật.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 12/2021/KDTM-GĐT của Tòa án nhân dân tối cao đã quyết định:

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 10/KN-KDTM ngày 16/4/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Hủy Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 65/2019/KDTM-PT ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và hủy Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 353/2019/KDTM-ST ngày 10/4/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về vụ án kinh doanh, thương mại “Tranh chấp giữa các thành viên công ty với công ty” giữa nguyên đơn là bà Tôn Nữ Tuyết V với bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết lại vụ tranh chấp theo hồ sơ thụ lý số 127/TLST-KDTM ngày 15/11/2021 về việc “Tranh chấp giữa các thành viên công ty với công ty”.

Theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 05/5/2022 nguyên đơn trình bày và xác định lại yêu cầu khởi kiện:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH S1 (Sau đây gọi tắt là Công ty S1) phải:

- Được kiểm tra, xem xét, tra cứu, sao chép hoặc trích lục sổ đăng ký thành viên, sổ ghi chép và theo dõi các giao dịch, sổ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm, sổ biên bản họp Hội đồng thành viên công ty;

- Được chia lợi nhuận tương ứng với phần vốn góp sau khi công ty đã nộp thuế và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

- Công nhận biên bản họp Hội đồng thành viên về việc triệu tập cuộc họp bất thường Hội đồng thành viên ngày 18/7/2018 và Quyết định ngày 18/7/2018 của Hội đồng thành viên công ty là có giá trị pháp lý;

- Buộc Công ty S1 thực hiện Quyết định ngày 18/7/2018 của Hội đồng thành viên công ty.

Tại phiên hòa giải ngày 26/8/2022 nguyên đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện như sau:

- Công nhận Quyết định ngày 18/7/2018 của Hội đồng thành viên công ty là có giá trị pháp lý và buộc Công ty S1 (do bà Đặng Thị O làm đại diện theo pháp luật) thực hiện Quyết định ngày 18/7/2018;

- Được chia lợi nhuận nhận được từ khoản vay của bà Đặng Thị O đã vay của Công ty TNHH S1 và lãi suất phát sinh là 6.640.000.000 đồng (tạm tính từ ngày 12/10/2008 cho đến ngày 12/07/2022);

- Hủy bỏ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, Mã số doanh nghiệp C4 đăng ký lần đầu ngày 03/12/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 20/11/2020 và phục hồi giá trị pháp lý Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, Mã số doanh nghiệp C4 đăng ký lần đầu ngày 03/12/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 22/04/2016.

Tại phiên hòa giải ngày 26/8/2022 nguyên đơn xin rút lại các yêu cầu khởi kiện như sau:

- Được kiểm tra, xem xét, tra cứu, sao chép hoặc trích lục sổ đăng ký thành viên, sổ ghi chép và theo dõi các giao dịch, sổ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm, sổ biên bản họp Hội đồng thành viên của Công ty S1;

- Được chia lợi nhuận tương ứng với phần vốn góp sau khi công ty đã nộp thuế và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

- Công nhận biên bản họp Hội đồng thành viên về việc triệu tập cuộc họp bất thường Hội đồng thành viên ngày 18/7/2018.

- Về yêu cầu phản tố của bị đơn: Nguyên đơn không đồng ý và bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn, giữ nguyên ý kiến đã trình bày trước đây. Cụ thể:

Thứ nhất, tại các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì bà Tôn Nữ Tuyết V, bà Trần Thị Kiều O1, bà Võ Thị Mỹ D và ông Nguyễn Việt H3 đã nộp tiền góp vốn vào công ty S1 và được công ty cấp các Phiếu thu và Giấy chứng nhận góp vốn có chữ ký người đại diện theo pháp luật, có con dấu của Công ty S1.

Thực tế, việc góp vốn vào Công ty S1 đều được thực hiện đúng quy định của pháp luật hiện hành. Căn cứ vào các Giấy chứng nhận góp vốn ngày 21/4/2008 do bà Đặng Thị O (Tổng Giám đốc công ty) ký và đóng dấu công ty đều thể hiện rõ số tiền đã nộp vào công ty, cụ thể: bà Tôn Nữ Tuyết V góp với số tiền 7 tỷ đồng (tương đương 20% tỷ lệ góp vốn); bà Trần Thị Kiều O1 góp với số tiền 5,25 tỷ đồng (tương đương 15% tỷ lệ góp vốn); bà Võ Thị Mỹ D góp với số tiền 5,25 tỷ đồng (tương đương 15% tỷ lệ góp vốn) sau đó bà D đã bán lại 50% tỷ lệ vốn góp của mình cho bà Đặng Thị O và hiện tại còn giữ lại số tiền 2,625 tỷ đồng (tương đương với 7,5% vốn); ông Nguyễn Việt H3 (đã chết) giữ

lại 10% tiền chuyển nhượng công ty với số tiền 3,5 tỷ đồng (tương đương với 10% vốn). Đây là những căn cứ pháp lý quan trọng để thể hiện việc là thành viên của công ty S1.

Thứ hai, tại các biên bản họp Hội đồng thành viên thì bà Tôn Nữ Tuyết V, bà Trần Thị Kiều O1, bà Võ Thị Mỹ D và ông Nguyễn Việt H3 đều có tên, nêu ý kiến, kiến nghị của mình đối với đường lối phát triển và hoạt động kinh doanh của công ty. Đồng thời, bà Tôn Nữ Tuyết V, bà Trần Thị Kiều O1, bà Võ Thị Mỹ D và ông Nguyễn Việt H3 đều được bổ nhiệm các chức danh quản lý trực tiếp trong Công ty S1 theo Biên bản họp Hội đồng thành viên ngày 11/05/2008.

Thứ ba, tại Biên bản họp Hội đồng thành viên ngày 10/7/2008 các bà Tôn Nữ Tuyết V, bà Trần Thị Kiều O1, bà Võ Thị Mỹ D và ông Nguyễn Việt H3 đã thống nhất ý kiến cho bà Đặng Thị O vay tín dụng số tiền 20 tỷ đồng từ khoản vay tín dụng của công ty với Ngân hàng A1 để bà Đặng Thị O sử dụng vào mục đích cá nhân và có cam kết hàng tháng thanh toán lãi cho công ty với số tiền 200 triệu đồng/tháng.

Khoản lợi nhuận này thì được Công ty S1 cho các thành viên một lần duy nhất là từ ngày 15/5/2008 đến 27/9/2008 và đã không chia lợi nhuận từ điểm đó cho đến nay.

Thứ tư, tại Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 14/5/2012 của bà Võ Thị Mỹ D với bà Đặng Thị O với số tiền 2,625 tỷ đồng (tương đương với 7,5% vốn điều lệ Công ty S1) và việc này đã bà Đặng Thị O đã giao số tiền 3,5 tỷ đồng cho bà Võ Thị Mỹ D theo như Giấy thỏa thuận ngày 26/4/2012 và bà Đặng Thị O có nhận lại số tiền thừa 875 triệu đồng từ bà Võ Thị Mỹ D theo Biên nhận tiền ngày 07/5/2012.

Từ các lý lẽ trên có cơ sở xác định nguyên đơn và các ông bà Võ Thị Mỹ D, Trần Thị Kiều O1 và Nguyễn Việt H3 (đã chết) đều góp vốn vào Công ty S1 để trở thành thành viên công ty và quản lý, điều hành hoạt động công ty. Do đó, yêu cầu phản tố của bị đơn đối với nguyên đơn không có căn cứ để chấp nhận. Nguyên đơn đề nghị Tòa chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của bà D. Bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Dại diện hợp pháp của bị đơn Công ty S1 trình bày:

- Công ty đã ngừng hoạt động từ năm 2009 vì Chi Cục thuế huyện C đã thu hồi mã số thuế nên Công ty đã không còn hoạt động. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc được kiểm tra, xem xét, tra cứu, sao chép hoặc trích lục sổ đăng ký thành viên, sổ ghi chép và theo dõi các giao dịch, sổ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm, sổ biên bản họp Hội đồng thành viên của công ty là không có cơ sở.

- Theo kết luận của cơ quan điều tra Công an đã xác định các thành viên không có góp vốn nên không công nhận tư cách thành viên của các bà Tôn Nữ Tuyết V, bà Trần Thị Kiều O1 và bà Võ Thị Mỹ D. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà V về việc Công nhận Biên bản cuộc họp Hội đồng thành viên về việc triệu

tập cuộc họp bất thường Hội đồng thành viên ngày 18/7/2018 và Quyết định ngày 18/7/2018 của Hội đồng thành viên công ty là có giá trị pháp lý và Buộc Công ty TNHH S1 phải thực hiện Quyết định ngày 18/7/2018 của Hội đồng thành viên công ty là không có cơ sở.

- Việc yêu cầu chia lợi nhuận là không có cơ sở vì:

+ Yêu cầu bà V phải cung cấp hồ sơ bản chính của: Hợp đồng vay vốn lưu động số 01/HĐ-HT ngày 12/7/2008; Biên bản cuộc họp Hội đồng thành viên số 04/08/BBHĐTV ngày 10/7/2008; Giấy ủy quyền ngày 12/7/2008 của bà Đặng Thị O ủy quyền cho bà Võ Thị Mỹ D và Hợp đồng thế chấp ngày 12/6/2008. Bà V cung cấp bản photo nên không có giá trị pháp lý để xem xét.

+ Vì Công an đã xác định các ông bà trên không có góp vốn nên các ông bà trên không phải là thành viên của công ty. Do đó, các ông bà này không có quyền yêu cầu chia lợi nhuận.

+ Xác nhận việc Công ty S1 có vay của Ngân hàng A2 số tiền 20 tỷ đồng để trả cho ông H3 và bà K, hiện nay bà O đang trả nợ cho Ngân hàng số tiền này. Ngoài ra khi tiếp quản công ty (mua lại công ty) thì Công ty cũng nợ rất nhiều và hiện nay công ty vẫn đang tiếp tục trả nợ. Ngân hàng A2 đang khởi kiện Công ty S1 về số tiền vay trên và tôi sẽ cung cấp thông báo thụ lý vụ án cho Tòa.

- Về số tiền vay 20 tỷ đồng này đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên vào đầu năm 2008, bà Đặng Thị O có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu công trình xây dựng tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, là tài sản thuộc quyền sở hữu công ty S1 do ông Nguyễn Việt H3 và bà Lê Thị K là thành viên góp vốn, theo Hợp đồng đặt cọc số 01/08/HĐKT ngày 16/01/2008 với giá trị chuyển nhượng toàn bộ tài sản nêu trên là 35 tỷ đồng. Sau khi thanh toán 15,2 tỷ đồng thì bà O mới biết quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng của công ty S1 là đất thuê nên không thể chuyển nhượng cho cá nhân bà O được, nên buộc lòng bà O phải thỏa thuận chuyển nhượng vốn góp của ông H3, bà K tại công ty S1. Thời điểm này bà O có vay tiền của bà Tôn Nữ Tuyết V, bà Trần Thị Kiều O1 và bà Võ Thị Mỹ D và bà O1 cũng mong muốn mọi người cùng hợp tác đầu tư vào kinh doanh công ty S1, nên đã thỏa thuận cho mọi người cùng đứng tên thành viên góp vốn trong công ty S1. Vốn điều lệ đăng ký thay đổi là 88 tỷ đồng nhưng khi hạch toán sổ sách chứng từ căn cứ trên vốn chủ sở hữu là 35 tỷ đồng với giá trị chuyển nhượng tài sản. Trên thực tế thì các thành viên khác không có góp vốn bao gồm ông Nguyễn Việt H3, bà Tôn Nữ Tuyết V, bà Võ Thị Mỹ D, bà Trần Thị Kiều O1 và ông Phan Thanh H4. Sau khi chuyển nhượng đứng tên đại diện pháp luật công ty S1, bà Đặng Thị O đã thế chấp tài sản là nhà xưởng công ty S1 để vay số tiền 20 tỷ đồng từ ngân hàng A và chuyển thanh toán tiền mua tài sản cho vợ chồng ông H3 bà K cho đủ 35 tỷ đồng theo Hợp đồng đặt cọc ngày 16/01/2008. Sau đó, từ ngày 25/3/2008 đến ngày 30/01/2009, bà Đặng Thị O đã nộp tiền cá nhân của mình vào tài khoản của công ty S1 với số tiền 22.469.071.000 đồng để thanh toán các khoản nợ của

công ty mà ông H3 bà K đã vay trước đó, nhằm cân đối lại số tiền vay 20 tỷ đồng đã chuyển thanh toán cho ông H3 bà K (theo Bảng thống kê tiền thanh toán và tiền nộp tài khoản công ty của bà Đặng Thị O). Như vậy, bằng tiền cá nhân của mình bà Đặng Thị O đã thanh toán tiền nhân chuyển nhượng tài sản cho ông H3 bà K với số tiền hơn 35 tỷ đồng. Đồng thời, đối với số tiền vay 20 tỷ đồng từ ngân hàng A, bà O cũng đã dùng tiền cá nhân của mình để thanh toán 08 tỷ đồng nợ gốc và hơn 06 tỷ đồng tiền lãi, số tiền còn lại 12 tỷ đồng nợ gốc và tiền lãi phát sinh hiện đang bị A khởi kiện yêu cầu công ty S1 thanh toán tại Tòa án nhân dân huyện Củ Chi. Như vậy, thực tế tiền thanh toán mua tài sản cho ông H3 bà K, tiền nộp vào tài khoản của công ty S1 để duy trì hoạt động kinh doanh và tiền thanh toán nợ ngân hàng A chỉ do một mình bà Đặng Thị O bỏ ra, không có bất cứ thành viên nào góp vốn thực tế vào công ty S1.

Sau khi xét xử sơ thẩm lần 1, do bức xúc với việc khai báo không đúng sự thật của các bà Tôn Nữ Tuyết V, bà Võ Thị Mỹ D, bà Trần Thị Kiều O1 Oanh và bà Lê Thị K về việc góp vốn trong công ty S1, bà Đặng Thị O đã có Đơn tố cáo gửi Cơ quan CSĐT Công an Thành phố H, yêu cầu xem xét về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, với lý do các bà nêu trên có tên thành viên góp vốn nhưng thực tế không có góp vốn, mà lại khai báo gian dối đã góp vốn bằng tiền mặt và bà Lê Thị K là thủ quỹ đã ký nhận trên các phiếu thu. Qua lời khai của các bà Tôn Nữ Tuyết V, bà Võ Thị Mỹ D, bà Lê Thị K và ông Phan Thanh H4 tại Cơ quan CSĐT Công an Thành phố H, tại Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 600-01 ngày 02/10/2013 của Cơ quan CSĐT Công an Thành phố H đã xác định: bà Lê Thị K thừa nhận chữ ký, chữ viết của bà trên các phiếu thu nhưng không có việc nhận tiền nộp vào công ty S1 của các người có tên ghi trên phiếu thu. Kết quả xác minh về hoạt động của công ty S1 vào thời điểm ngày 01/4/2008 thể hiện vẫn còn thuộc quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của ông Nguyễn Việt H3. Do đó không có căn cứ để xác định bà K đã thu tiền góp vốn để chiếm đoạt. Từ đó, Cơ quan CSĐT Công an Thành phố H đã quyết định không khởi tố vụ án hình sự đối với tố giác bà Lê Thị K của bà Đặng Thị O. Điều này đã chứng minh thực tế tất cả các thành góp vốn vào thời điểm tháng 4/2008 đều không có góp vốn vào công ty, mà chỉ có một mình bà Đặng Thị O thanh toán tiền chuyển nhượng tài sản công ty là hơn 35 tỷ đồng và nộp tiền mặt vào tài khoản công ty S1 trong thời gian từ 25/3/2008 đến 30/01/2009 để thanh toán công nợ, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty S1.

Do nguyên đơn bà Tôn Nữ Tuyết V và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Mỹ D, bà Trần Thị Kiều O1, bà Lê Thị K (đại diện ông Nguyễn Việt H3 đã chết) không có góp vốn vào Công ty S1 nên không có tư cách thành viên góp vốn của Công ty S1. Vì vậy, đề nghị Tòa án xem xét bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà V và yêu cầu độc lập của bà D.

Bị đơn có yêu cầu phản tố về việc: Xác định bà Tôn Nữ Tuyết V, bà Võ Thị Mỹ D, bà Trần Thị Kiều O1 không có góp vốn vào Công ty S1 và ông Nguyễn Việt H3 (đã chết) không còn góp vốn trong Công ty S1. Yêu cầu bãi bỏ

tư cách thành viên góp vốn của bà Tôn Nữ Tuyết V, bà Võ Thị Mỹ D, bà Trần Thị Kiều O1 và ông Nguyễn Việt H3 trong Công ty S1.

Đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị O trình bày: Tôi đồng ý với ý kiến trình bày của đại diện bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của bà D.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị H1 có ông Nguyễn Văn Đ đại diện theo ủy quyền trình bày: Đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà V và yêu cầu độc lập của bà D.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị K, ông Nguyễn Văn C1, ông Nguyễn Hùng Khánh T, bà Nguyễn Hùng Khánh V1, ông Nguyễn Hùng L, bà Võ Thị Mỹ D, bà Trần Thị Kiều O1 có ông Huỳnh Phi H2 và bà Đặng Thị Kim N trình bày:

Không đồng ý với ý kiến của bị đơn và đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn, vì:

Thứ nhất, tại các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì bà Tôn Nữ Tuyết V, bà Trần Thị Kiều O1, bà Võ Thị Mỹ D và ông Nguyễn Việt H3 đã nộp tiền góp vốn vào Công ty S1 và được công ty cấp các Phiếu thu và Giấy chứng nhận góp vốn có chữ ký người đại diện theo pháp luật, có con dấu của công ty S1.

Thực tế, việc góp vốn vào công ty S1 đều được thực hiện đúng quy định của pháp luật hiện hành. Căn cứ vào các Giấy chứng nhận góp vốn ngày 21/4/2008 do bà Đặng Thị O (Tổng Giám đốc công ty) ký và đóng dấu công ty đều thể hiện rõ số tiền đã nộp vào công ty, cụ thể: bà Tôn Nữ Tuyết V góp với số tiền 7 tỷ đồng (tương đương 20% tỷ lệ góp vốn); bà Trần Thị Kiều O1 góp với số tiền 5,25 tỷ đồng (tương đương 15% tỷ lệ góp vốn); bà Võ Thị Mỹ D góp với số tiền 5,25 tỷ đồng (tương đương 15% tỷ lệ góp vốn) sau đó bà D đã bán lại 50% tỷ lệ vốn góp của mình cho bà Đặng Thị O và hiện tại còn giữ lại số tiền 2,625 tỷ đồng (tương đương với 7,5% vốn); ông Nguyễn Việt H3 (đã chết) giữ lại 10% tiền chuyển nhượng công ty với số tiền 3,5 tỷ đồng (tương đương với 10% vốn). Đây là những căn cứ pháp lý quan trọng để thể hiện việc là thành viên của Công ty S1.

Thứ hai, tại các biên bản họp Hội đồng thành viên thì bà Tôn Nữ Tuyết V, bà Trần Thị Kiều O1, bà Võ Thị Mỹ D và ông Nguyễn Việt H3 đều có tên, nêu ý kiến, kiến nghị của mình đối với đường lối phát triển và hoạt động kinh doanh của công ty. Đồng thời, bà Tôn Nữ Tuyết V, bà Trần Thị Kiều O1, bà Võ Thị Mỹ D và ông Nguyễn Việt H3 đều được bổ nhiệm các chức danh quản lý trực tiếp trong Công ty S1 theo Biên bản họp Hội đồng thành viên ngày 11/05/2008.

Thứ ba, tại Biên bản họp Hội đồng thành viên ngày 10/7/2008 các bà Tôn Nữ Tuyết V, bà Trần Thị Kiều O1, bà Võ Thị Mỹ D và ông Nguyễn Việt H3 đã

thống nhất ý kiến cho bà Đặng Thị O vay tín dụng số tiền 20 tỷ đồng từ khoản vay tín dụng của công ty với Ngân hàng A1 để bà Đặng Thị O sử dụng vào mục đích cá nhân và có cam kết hàng tháng thanh toán lãi cho công ty với số tiền 200 triệu đồng/tháng. Khoản lợi nhuận này thì được Công ty S1 cho các thành viên một lần duy nhất là từ ngày 15/5/2008 đến 27/9/2008 và đã không chia lợi nhuận từ điểm đó cho đến nay.

Thứ tư, tại Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 14/5/2012 của bà Võ Thị Mỹ D với bà Đặng Thị O với số tiền 2,625 tỷ đồng (tương đương với 7,5% vốn điều lệ Công ty S1) và việc này đã bà Đặng Thị O đã giao số tiền 3,5 tỷ đồng cho bà Võ Thị Mỹ D theo như Giấy thỏa thuận ngày 26/4/2012 và bà Đặng Thị O có nhận lại số tiền thừa 875 triệu đồng từ bà Võ Thị Mỹ D theo Biên nhận tiền ngày 07/5/2012.

Từ những nhận định trên đề nghị Tòa án xác định các ông bà Võ Thị Mỹ D, Trần Thị Kiều O1 và Nguyễn Việt H3 (đã chết) đều góp vốn vào Công ty S1 để trở thành thành viên công ty và quản lý, điều hành hoạt động của công ty. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của bà D, bác yêu cầu phản tố của bị đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Mỹ D có yêu cầu độc lập về việc:

Tại phiên hòa giải ngày 26/8/2022 đại diện hợp pháp bà D xác định yêu cầu khởi kiện như sau:

- Được kiểm tra, xem xét, tra cứu, sao chép hoặc trích lục sổ đăng ký thành viên, sổ ghi chép và theo dõi các giao dịch, sổ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm, sổ biên bản họp Hội đồng thành viên của Công ty S1;

- Được chia lợi nhuận tương ứng với phần vốn góp sau khi công ty đã nộp thuế và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

- Công nhận biên bản họp Hội đồng thành viên về việc triệu tập cuộc họp bất thường Hội đồng thành viên ngày 18/7/2018.

Tại phiên tòa ngày 06/9/2022 đại diện hợp pháp bà Võ Thị Mỹ D xác định yêu cầu khởi kiện như sau:

Công nhận Quyết định ngày 18/7/2018 của Hội đồng thành viên công ty là có giá trị pháp lý và buộc Công ty S1 (do bà Đặng Thị O làm đại diện theo pháp luật) thực hiện Quyết định ngày 18/7/2018; Được chia lợi nhuận nhận được từ khoản vay của bà Đặng Thị O đã vay của Công ty S1 tương ứng với số phần vốn góp 7,5% là 2,49 tỷ đồng (tạm tính từ ngày 12/10/2008 cho đến ngày 12/07/2022), các yêu cầu khác đại diện hợp pháp bà D xin rút lại toàn bộ yêu cầu.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 1487/2022/KDTM-ST ngày 06/9/2022 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Căn cứ khoản 2 Điều 30, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 3 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 244, Điều 259, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 48, Điều 49, Điều 50, Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 58, Điều 59, Điều 61, Điều 63 Luật Doanh nghiệp 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

[1] Đình chỉ giải quyết các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tôn Nữ Tuyết V về việc: Buộc Công ty TNHH S1 phải cho các thành viên là bà Tôn Nữ Tuyết V và bà Võ Thị Mỹ D được kiểm tra, xem xét, tra cứu, sao chép hoặc trích lục sổ đăng ký thành viên, sổ ghi chép và theo dõi các giao dịch, sổ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm, sổ biên bản họp Hội đồng thành viên, công nhận Biên bản họp thành viên ngày 18/7/2008 của Công ty TNHH S1 do bà Tôn Nữ Tuyết V và bà Võ Thị Mỹ D rút yêu cầu.

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tôn Nữ Tuyết V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Mỹ D về việc công nhận Quyết định của Hội đồng thành viên ngày 18/7/2018 của Công ty TNHH S1 có giá trị pháp lý. Buộc Công ty TNHH S1 phải thực hiện Quyết định của Hội đồng thành viên ngày 18/7/2018.

[3] Hủy bỏ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, Mã số doanh nghiệp 0302463156 đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 20/11/2020 của Công ty TNHH S1 và phục hồi giá trị pháp lý Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, Mã số doanh nghiệp 0302463156 đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 22/04/2016 của Công ty TNHH S1.

[4] Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Tôn Nữ Tuyết V về việc buộc Công ty TNHH S1 hoàn trả phần tiền chia lợi nhuận của Công ty TNHH S1 với số tiền là 6.640.000.000 (sáu tỷ sáu trăm bốn mươi triệu) đồng.

[5] Không chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Mỹ D về việc buộc Công ty TNHH S1 hoàn trả phần tiền chia lợi nhuận của Công ty TNHH S1 với số tiền là 2.490.000.000 (hai tỷ bốn trăm chín mươi triệu) đồng.

[6] Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty TNHH S1 về việc: Tuyên bà Tôn Nữ Tuyết V, bà Trần Thị Kiều O1, bà Võ Thị Mỹ D không có góp vốn vào Công ty S1; Bãi bỏ từ cách thành viên góp vốn của bà Tôn Nữ Tuyết V, bà Trần Thị Kiều O1, bà Võ Thị Mỹ D trong Công ty S1; Tuyên ông Nguyễn Việt H3 (đã chết) không còn vốn góp trong Công ty S1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/9/2022, bị đơn là Công ty TNHH S1 (sau đây viết tắt là Công ty S1) kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 15/9/2022, nguyên đơn là bà Tôn Nữ Tuyết V kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Huỳnh Phi H2 và bà Đặng Thị Kim N là người đại diện hợp pháp của bà Tôn Nữ Tuyết V không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện. Ông H2, bà N, bà Đặng Thị O là người đại diện hợp theo pháp luật của Công ty S1 và ông Nguyễn Văn Đ là người đại diện hợp pháp của Công ty S1 không thay đổi, bổ sung, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu. Các đương sự không tự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận, các đương sự trình bày như sau:

1. Ông Huỳnh Phi H2, bà Đặng Thị Kim N với tư cách là người đại diện hợp pháp của các ông bà Tôn Nữ Tuyết V, Trần Thị Kiều O1, Võ Thị Mỹ D, Nguyễn Việt C, Lê Thị K, Nguyễn Hùng Khánh T, Nguyễn Hùng L, Nguyễn Hùng Khánh V1 trình bày:

Thứ nhất, căn cứ vào các Giấy chứng nhận góp vốn ngày 21/4/2008 do bà Đặng Thị O (Tổng Giám đốc công ty) ký và đóng dấu của công ty đều thể hiện rõ số tiền đã nộp vào công ty, cụ thể: bà Tôn Nữ Tuyết V góp với số tiền 7 tỷ đồng (tương đương 20% tỷ lệ góp vốn); bà Trần Thị Kiều O1 góp với số tiền 5,25 tỷ đồng (tương đương 15% tỷ lệ góp vốn); bà Võ Thị Mỹ D góp với số tiền 5,25 tỷ đồng (tương đương 15% tỷ lệ góp vốn). Sau đó bà D đã bán lại 50% tỷ lệ vốn góp của mình cho bà Đặng Thị O và hiện tại còn giữ lại số tiền 2,625 tỷ đồng (tương đương với 7,5% vốn); ông Nguyễn Việt H3 (đã chết) giữ lại 10% tiền chuyển nhượng công ty với số tiền 3,5 tỷ đồng (tương đương với 10% vốn).

Thứ hai, tại các biên bản họp Hội đồng thành viên thì đều có tên các ông bà Tôn Nữ Tuyết V, Trần Thị Kiều O1, Võ Thị Mỹ D và Nguyễn Việt H3; các ông bà này có nêu ý kiến, kiến nghị của mình đối với đường lối phát triển và hoạt động kinh doanh của công ty; các ông bà này đều được bổ nhiệm các chức vụ quản lý trực tiếp trong Công ty S1 theo Biên bản họp Hội đồng thành viên ngày 11/05/2008.

Thứ ba, tại Biên bản họp Hội đồng thành viên ngày 10/7/2008 các ông bà Tôn Nữ Tuyết V, Trần Thị Kiều O1, Võ Thị Mỹ D và Nguyễn Việt H3 đã thống nhất ý kiến cho bà Đặng Thị O vay tín dụng số tiền 20 tỷ đồng từ khoản vay tín dụng của công ty với Ngân hàng A1 để bà Đặng Thị O sử dụng vào mục đích cá nhân và có cam kết hàng tháng thanh toán lãi cho công ty với số tiền 200 triệu đồng/tháng. Khoản lợi nhuận này được Công ty S1 chia cho các thành viên một lần duy nhất là từ ngày 15/5/2008 đến 27/9/2008 và đã không chia lợi nhuận từ điểm đó cho đến nay.

Thứ tư, tại Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 14/5/2012 của bà Võ Thị Mỹ D với bà Đặng Thị O với số tiền 2,625 tỷ đồng (tương đương với

7,5% vốn điều lệ Công ty S1), bà Đặng Thị O đã giao số tiền 3,5 tỷ đồng cho bà Võ Thị Mỹ D theo Giấy thỏa thuận ngày 26/4/2012 và bà Đặng Thị O có nhận lại số tiền thừa 875 triệu đồng từ bà Võ Thị Mỹ D theo Biên nhận tiền ngày 07/5/2012.

Ông H3, bà N thừa nhận giữa các bà Tôn Nữ Tuyết V, Võ Thị Mỹ D, Trần Thị Kiều O1 với bà Đặng Thị O có quan hệ vay mượn tiền của nhau, nhưng các bên không có thỏa thuận chuyển nợ vay sang việc góp vốn vào Công ty S1.

Ông H3, bà N đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà V, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

2. Luật sư Trần Thị Kim H bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Tôn Nữ Tuyết V phát biểu:

- Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn: Bà H đồng ý với lời trình bày ở trên của ông H3, bà N. Khi góp vốn vào công ty S1, bà V nộp trực tiếp, không chuyển khoản nên không thể hiện trong tài khoản của công ty S1. Về các tài liệu mà bị đơn mới cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm: Đối với Phiếu chi số 162 ngày 20/10/2015 có nội dung bà Đặng Thị Kiều O2 có nhận lại 6 tỷ đồng góp vốn từ Công ty S1 là do bà Đặng Thị O2 làm giả để thay đổi giấy đăng ký doanh nghiệp và việc này đã bị Sở Kế hoạch và Đầu tư huỷ bỏ. Đối với các chứng từ nợ thì bà V đang khởi kiện bà Đặng Thị O2 tại Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

- Về yêu cầu kháng cáo của bà V: Các thành viên trong công ty gồm các ông bà Tôn Nữ Tuyết V, Trần Thị Kiều O1, Võ Thị Mỹ D và Nguyễn Việt H3 đã thống nhất ý kiến cho bà Đặng Thị O2 vay tín dụng số tiền 20 tỷ đồng từ khoản vay tín dụng của công ty với Ngân hàng A1 để bà Đặng Thị O2 sử dụng vào mục đích cá nhân và có cam kết hàng tháng thanh toán lãi cho công ty với số tiền 200 triệu đồng/tháng. Bà Đặng Thị O2 chỉ mới chia lợi nhuận trong giai đoạn từ 15/5/2008 đến 27/9/2008.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà V, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

3. Ông Nguyễn Văn Đ là người đại diện hợp pháp của Công ty S1 và bà Đoàn Thị H1 trình bày:

- Về thủ tục tố tụng: Tại cấp sơ thẩm ông có yêu cầu xem xét lại tư cách đại diện uỷ quyền của ông Huỳnh Phi H2 và bà Đặng Thị Kim N nhưng không được chấp nhận. Tại phiên tòa hôm nay, ông yêu cầu xem xét lại vấn đề này.

- Về việc góp vốn của các ông bà Trần Thị Kiều O1, Tôn Nữ Tuyết V, Võ Thị Mỹ D và ông Nguyễn Việt H3:

Toàn bộ vốn của công ty S1 là do bà Đặng Thị O2 bỏ ra. Các ông bà Trần Thị Kiều O1, Tôn Nữ Tuyết V, Võ Thị Mỹ D và ông Nguyễn Việt H3 không hề góp vốn. Cơ quan điều tra đã kết luận các ông bà này không góp vốn vào công

ty S1. Các biên lai nhận tiền góp vốn và các giấy chứng nhận góp vốn chỉ nhằm mục đích đăng ký với cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, không nhằm mục đích khác.

Do không có vốn góp trên thực tế nên việc các ông bà Trần Thị Kiều O1, V, D và những người thừa kế của ông Nguyễn Việt H3 khởi kiện yêu cầu công nhận Biên bản cuộc họp Hội đồng thành viên ngày 18/7/2018, Quyết định của Hội đồng thành viên ngày 18/7/2018 và buộc Công ty phải thực hiện Quyết định ngày 18/7/2018; cũng như chia lợi nhuận là không có căn cứ để chấp nhận.

- Ông Đ thừa nhận giữa các bà Tôn Nữ Tuyết V, Võ Thị Mỹ D, Trần Thị Kiều O1 với bà Đặng Thị O2 có quan hệ vay mượn tiền của nhau, nhưng các bên không có thoả thuận chuyển nợ vay sang việc góp vốn vào Công ty S1.

Ông Đ đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà V, chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

4. Bà Đặng Thị O2 có cùng ý kiến và yêu cầu như ông Đ đã trình bày.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà trình bày như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán chủ tọa phiên toà, các thành viên Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

- Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Tôn Nữ Tuyết V và Công ty S1 làm trong hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

- Về nội dung kháng cáo: Tại cấp phúc thẩm, bà Tôn Nữ Tuyết V và Công ty S1 không xuất trình được chứng cứ nào mới so với cấp sơ thẩm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà V, công ty S1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Tôn Nữ Tuyết V, Công ty S1 làm trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Tôn Nữ Tuyết V khởi kiện Công ty S1 (có trụ sở tại ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh), với các yêu cầu liên quan đến quyền lợi của các thành viên góp vốn vào công ty. Công ty S1 có yêu cầu phản tố về việc không công nhận tư cách thành viên của các ông bà Tôn Nữ Tuyết V, Võ Thị Mỹ D, Trần Thị Kiều O1 và Nguyễn Việt H3. Bà Võ Thị D có yêu cầu độc lập giống như nguyên đơn. Do đó, Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, xét xử vụ án là đúng thẩm

quyền, đúng quan hệ pháp luật, phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 3 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà phúc thẩm, ông Nguyễn Văn Đ đề nghị xem xét lại tư cách đại diện uỷ quyền của ông Huỳnh Phi H2 và bà Đặng Thị Kim N. Nhận thấy, tại các Hợp đồng uỷ quyền ngày 14/11/2017, ngày 10/01/2018, được văn phòng C2 (các bút lục 312-319), các ông bà Tôn Nữ Tuyết V, Trần Thị Kiều O1, Võ Thị Mỹ D, Nguyễn Việt C, Lê Thị K, Nguyễn Hùng Khánh T, Nguyễn Hùng L, Nguyễn Hùng Khánh V1 cùng uỷ quyền cho Công ty L1 và Cộng S đại diện tham gia tố tụng tại Toà án các cấp với thời hạn uỷ quyền là 10 năm. Các hợp đồng uỷ quyền này cho phép người được uỷ quyền có quyền uỷ quyền lại cho người thứ ba. Do đó, ông Huỳnh Phi H2, bà Đặng Thị Kim N có đầy đủ tư cách là người đại diện hợp pháp của các ông bà nêu trên theo quy định tại Điều 138, Điều 563, Điều 564 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2, khoản 4 Điều 85 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu kháng cáo của Công ty S1:

[4.1] Tại phiên toà phúc thẩm tất cả các đương sự đều xác định giữa các bà Tôn Nữ Tuyết V, Võ Thị Mỹ D, Trần Thị Kiều O1 với bà Đặng Thị O2 có quan hệ vay mượn tiền của nhau, nhưng các bên không có thoả thuận chuyển nợ vay sang việc góp vốn vào Công ty S1. Do đó, có căn cứ xác định các bà V, D, Kiều O1 không góp vốn bằng việc chuyển từ nợ vay.

[4.2] Tại các Giấy chứng nhận góp vốn ngày 21/4/2008 do bà Đặng Thị O2 là Tổng Giám đốc công ty S1 ký tên và đóng dấu công ty đều thể hiện bà Tôn Nữ Tuyết V góp với số tiền 7 tỷ đồng (tương đương 20% tỷ lệ góp vốn); bà Trần Thị Kiều O1 góp với số tiền 5,25 tỷ đồng (tương đương 15% tỷ lệ góp vốn); bà Võ Thị Mỹ D góp với số tiền 5,25 tỷ đồng (tương đương 15% tỷ lệ góp vốn). Sau đó bà D đã bán lại 50% tỷ lệ vốn góp của mình cho bà Đặng Thị O2 và hiện tại còn giữ lại số tiền 2,625 tỷ đồng (tương đương với 7,5% vốn); ông Nguyễn Việt H3 (đã chết) giữ lại 10% tiền chuyển nhượng công ty với số tiền 3,5 tỷ đồng (tương đương với 10% vốn).

[4.3] Tại Báo cáo tình hình kinh doanh của Công ty S1 (từ ngày 15/5/2008 đến 27/9/2008) thể hiện Công ty S1 có chia lợi nhuận cho các ông bà V, D, Kiều O1 và H3.

[4.4] Tại Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 14/5/2012 giữa bà D và bà Đặng Thị O2 thể hiện bà D chuyển nhượng cho bà Đặng Thị O2 7,5% vốn góp tương đương số tiền 2,625 tỷ đồng; bà Đặng Thị O2 đã giao số tiền 3,5 tỷ đồng cho bà D theo Giấy thỏa thuận ngày 26/4/2012 và bà Đặng Thị O2 có nhận lại số tiền thừa 875 triệu đồng từ bà D theo Biên nhận tiền ngày 07/5/2012.

[4.5] Tại Biên bản họp Hội đồng thành viên ngày 20/4/2009 (có sự tham dự của các thành viên góp vốn) thể hiện ông Nguyễn Việt H3 có cam kết sẽ trả cho Công ty S1 các khoản nợ phát sinh trước ngày chuyển giao công ty, nếu không

trả được sẽ trừ vào số vốn góp của ông H3 tại công ty. Tuy nhiên, tại Điều 53 Luật Doanh nghiệp năm 2015 thì phần vốn góp của các thành viên chỉ có thể chuyển nhượng, không được cầm giữ. Do đó, bị đơn căn cứ vào cam kết này để xác định ông Nguyễn Việt H3 không còn số vốn góp với tỷ lệ 10% và yêu cầu khai trừ tư cách thành viên góp vốn của ông H3 là không có căn cứ để chấp nhận.

[4.6] Tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký lần thứ 7 ngày 22/4/2016 khôi phục lại giá trị pháp lý Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 4 (bút lục số 160) thể hiện danh sách thành viên góp vốn của công ty với tỷ lệ như sau: bà H1 30%, bà V 20%, bà Đặng Thị O2 17,5%, bà Kiều O1 15%, ông H3 10% và bà D 7,5%.

[4.7] Bị đơn cho rằng các biên lai thu tiền góp vốn, các giấy chứng nhận góp vốn cấp cho các ông bà V, D, Kiều O1 và H3 chỉ nhằm mục đích để đăng ký kinh doanh; tài khoản của Công ty không thể hiện các ông bà D, V, Kiều O1 và H3 góp vốn. Xét thấy, như phân trên đã nhận định ngoài các biên lai nhận tiền góp vốn, giấy chứng góp vốn, có chứng cứ chứng minh các ông bà V, D, Kiều O1, H3 đều được bổ nhiệm chức vụ quản lý, có bảng lương, có tham gia điều hành hoạt động của công ty và được chia lợi nhuận từ hoạt động của công ty. Luật Doanh nghiệp quy định về thủ tục đăng ký doanh nghiệp không buộc phải có các tài liệu như biên bản họp, bảng lương, việc điều hành hoạt động của các thành viên, càng không yêu cầu phải có tài liệu chứng minh việc chia lợi nhuận. Mặt khác, các bà V, D, Kiều O1 xác định khi góp vốn thì nộp tiền mặt nên số tài khoản của công ty không thể hiện số tiền góp vốn là đúng. Đồng thời đơn cử như trường hợp của bà D, nếu không góp vốn thì tại sao có việc chuyển nhượng vốn góp giữa bà D và bà Đặng Thị O2, để bà Đặng Thị O2 giao cho bà D 3,5 tỷ đồng theo biên bản thỏa thuận ngày 26/4/2012 và bà Đặng Thị O2 nhận lại 875 triệu đồng còn thừa theo biên nhận ngày 07/5/2012.

[4.8] Vào năm 2019, bà Đặng Thị O2 có đơn tố cáo bà Lê Thị K đã có hành vi dùng các phiếu thu tiền đã được bà O2 ký sẵn, đóng dấu công ty S1 để ghi thông tin việc các thành viên nộp tiền góp vốn hoặc bà K có thu tiền của những người góp vốn nhưng đã chiếm đoạt. Tại Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 600-01 ngày 02/10/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H (bút lục số 703-704) cho rằng tại cơ quan điều tra bà K thừa nhận chữ viết, chữ ký của mình trên các phiếu thu nhưng không có việc những người có tên trên phiếu thu nộp tiền. Xét thấy, tại Văn bản số 3755/PC01-Đ3 ngày 09/9/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H gửi cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (bút lục số 715) thể hiện Cơ quan điều tra có cung cấp cho Tòa án các biên bản làm việc, biên bản ghi lời khai của người bị tố cáo và những người có liên quan đến việc tố cáo (các tài liệu này được đánh số thứ tự từ 01 đến 82 theo dấu bút lục của Cơ quan điều tra). Qua xem xét các tài liệu này cho thấy trừ các ông bà Đặng Thị O2, Phan Thanh H4 và Lê Thị K, các bà Tôn Nữ Tuyết V, Võ Thị Mỹ D đều xác định có nộp tiền trực tiếp để góp vốn vào Công ty S1. Trong các tài liệu này không có lời khai của bà Trần Thị Kiều

O1, không có biên bản đối chất để làm rõ mâu thuẫn trong lời khai của người bị tố cáo và những người liên quan đến tố cáo. Do đó, việc bị đơn căn cứ vào lời thừa nhận của bà K tại Cơ quan điều tra để xác định các bà V, D, Trần Thị O1 không góp vốn vào Công ty S1 là không có căn cứ để chấp nhận.

[4.9] Các sao kê tài khoản của Công ty S1 mà bị đơn cung cấp không thể hiện các bà V, D, Trần Thị Kiều O1 có nộp tiền vào tài khoản của công ty. Tuy nhiên, như phần trên đã nhận định các bà V, D, Trần Thị Kiều O1 khai nhận khi góp vốn thì các bà này không chuyển khoản mà đưa tiền trực tiếp cho bà Đặng Thị O2 nên tài khoản của công ty không thể hiện số tiền góp vốn là đúng.

Từ các nhận định nêu trên có căn cứ để xác định các ông bà V, D, Kiều O1 và H3 có góp vốn, được bổ nhiệm chức vụ quản lý, có bảng lương, có tham gia điều hành hoạt động của công ty, được chia lợi nhuận từ hoạt động của Công ty S1 và có tên trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Do đó, bản án sơ thẩm xác định các ông bà V, D, Trần Thị Kiều O1 và H3 là thành viên của công ty S1 là có căn cứ.

[4.10] Về yêu cầu công nhận Quyết định ngày 18/7/2018 của Hội đồng thành viên công ty là có giá trị pháp lý và buộc Công ty S1 (do bà Đặng Thị O2 làm đại diện theo pháp luật) thực hiện Quyết định ngày 18/7/2018, xét thấy:

Căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm:

- Thông báo yêu cầu triệu tập cuộc họp bất thường Hội đồng thành viên Công ty S1 và diễn biến quá trình tổng đạt thông báo này cho bà Đặng Thị O2 - chủ tịch Hội đồng thành viên thể hiện tại Vi bằng 5756/2018/VB-TPLBC ngày 18/6/2018 của Văn phòng Thừa phát lại huyện B;

- Biên bản về việc không tiến hành được cuộc họp hội đồng thành viên ngày 03/7/2018 theo Vi bằng 6110/2018/VB-TPLBC ngày 03/7/2018 của Văn phòng Thừa phát lại huyện B;

- Diễn biến quá trình tổng đạt thông báo yêu cầu triệu tập cuộc họp cho bà Đặng Thị O2 - chủ tịch Hội đồng thành viên thể hiện tại Vi bằng 6111/2018/VB-TPLBC ngày 03/7/2018 của Văn phòng Thừa phát lại huyện B;

- Diễn biến quá trình thực hiện cuộc họp Hội đồng thành viên Công ty S1 lần thứ hai ngày 18/7/2018 theo Vi bằng 6413/2018/VB-TPLBC ngày 18/7/2018 của Văn phòng Thừa phát lại huyện B;

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 22/4/2016 (khôi phục lại giá trị pháp lý giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 21/5/2012).

Cùng với sự xác nhận của các thành viên là bà Tôn Nữ Tuyết V (sở hữu 20% vốn điều lệ) bà Trần Thị Kiều O1, bà Võ Thị Mỹ D, bà Lê Thị K ông Nguyễn Hùng Khánh T, bà Nguyễn Hùng Khánh V1, ông Nguyễn Hùng L và ông Nguyễn Việt C. Các thành viên này đại diện cho 55,5% tỷ lệ phần vốn góp của Công ty S1 (gọi chung là nhóm thành viên). Do bà Đặng Thị O2 điều hành

Công ty S1 bị thua lỗ, công ty nợ thuế, nợ ngân hàng, nợ bảo hiểm xã hội, không tổ chức họp Hội đồng thành viên nhiều năm liền nên việc nhóm thành viên trên sau khi khiếu nại tại Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố H và đã được khôi phục lại tư cách thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 22/4/2016 yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên bất thường theo Thông báo yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên (các ngày 11/11/2017, ngày 29/11/2017, ngày 18/6/2018 và ngày 03/7/2018) để giải quyết những vấn đề của công ty là chính đáng, phù hợp Điều 20 Điều lệ của công ty và điểm a khoản 8 Điều 50 và khoản 3 Điều 58 Luật Doanh nghiệp 2015 (có hiệu lực thi hành tại thời điểm tiến hành cuộc họp Hội đồng thành viên). Xét thấy, các thông báo yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên của nhóm thành viên nêu trên đã ghi đầy đủ các nội dung theo qui định tại khoản 4 Điều 58 Luật Doanh nghiệp. Căn cứ vào lời trình bày của nhóm thành viên tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ theo các vi bằng nêu trên, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của bà D, công nhận Quyết định ngày 18/7/2018 của Hội đồng thành viên công ty là có giá trị pháp lý và buộc Công ty S1 (do bà Đặng Thị O2 làm đại diện theo pháp luật) thực hiện Quyết định ngày 18/7/2018 là có căn cứ, phù hợp với các quy định tại Điều 18, Điều 19 của Điều lệ công ty, Điều 58, Điều 59, Điều 60 và Điều 61 Luật Doanh nghiệp 2015.

[4.11] Về yêu cầu hủy giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cập nhật lần 8 của nguyên đơn bà V1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà D: Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm đại diện hợp pháp bị đơn Công ty S1 cung cấp cho Hội đồng xét xử Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp C4 đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 20/11/2020 nhưng các thành viên góp vốn của Công ty S1 là bà V1, bà O2, bà D, bà K, ông C, bà T, bà V1, ông L (như nhận định trên) đều không biết. Theo đại diện hợp pháp của phía bị đơn Công ty S1 thì việc thay đổi giấy chứng nhận kinh doanh lần thứ 8 được thực hiện theo Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 65/2019/KDTM-PT ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, Bản án phúc thẩm này đã bị hủy bởi Quyết định giám đốc thẩm số 12/2021/KDTM-GĐT của Tòa án nhân dân tối cao nên yêu cầu của nguyên đơn bà V1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà D về việc hủy bỏ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, Mã số doanh nghiệp 0302463156 đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 20/11/2020 và phục hồi giá trị pháp lý Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, Mã số doanh nghiệp 0302463156 đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 22/04/2016 là có căn cứ.

[5] Về yêu cầu kháng cáo của bà V1 về việc chia lợi nhuận, xét thấy:

Tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bà Tôn Nữ Tuyết V, bị đơn Công ty S1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Mỹ D đều xác nhận Công ty S1 đã ngừng hoạt động từ năm 2012, không báo

cáo thuế và báo cáo tài chính từ đó đến nay, Công ty S1 không có lợi nhuận và hiện vẫn còn nợ tiền thuế đối với nhà nước. Đồng thời, ngày 12/6/2012, Cục thuế Thành phố H đã ban hành Quyết định 406/QĐ-CT-QLN về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi mã số thuế đối với Công ty S1. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu chia lợi nhuận của bà Tôn Nữ Tuyết V, bà Võ Thị Mỹ D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 69 Luật Doanh nghiệp 2015.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bà V và Công ty S1 không xuất trình được tài liệu chứng cứ nào mới so với cấp sơ thẩm, do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà V và Công ty S1. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[7] Về án phí phúc thẩm: Bà V và Công ty S1 phải nộp án phí phúc thẩm theo luật định.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của bà Tôn Nữ Tuyết V và Công ty TNHH S1. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 1487/2022/KDTM-ST ngày 06/9/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ khoản 2 Điều 30, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 3 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 244, Điều 259, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 48, Điều 49, Điều 50, Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 58, Điều 59, Điều 61, Điều 63 Luật Doanh nghiệp 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

[1] Đình chỉ giải quyết các yêu cầu khởi kiện sau đây của của nguyên đơn bà Tôn Nữ Tuyết V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Mỹ D:

- Buộc Công ty TNHH S1 phải cho các thành viên là bà Tôn Nữ Tuyết V và bà Võ Thị Mỹ D được kiểm tra, xem xét, tra cứu, sao chép hoặc trích lục sổ đăng ký thành viên, sổ ghi chép và theo dõi các giao dịch, sổ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm, sổ biên bản họp Hội đồng thành viên.

- Công nhận Biên bản họp thành viên ngày 18/7/2008 của Công ty TNHH S1.

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tôn Nữ Tuyết V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Mỹ D.

Công nhận Quyết định của Hội đồng thành viên ngày 18/7/2018 của Công ty TNHH S1 có giá trị pháp lý.

Buộc Công ty TNHH S1 phải thực hiện Quyết định của Hội đồng thành viên ngày 18/7/2018.

Hủy bỏ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, Mã số doanh nghiệp 0302463156 đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 20/11/2020 của Công ty TNHH S1 và phục hồi giá trị pháp lý Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, Mã số doanh nghiệp 0302463156 đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 22/04/2016 của Công ty TNHH S1.

[3] Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Tôn Nữ Tuyết V về việc buộc Công ty TNHH S1 hoàn trả phần tiền chia lợi nhuận của Công ty TNHH S1 với số tiền là 6.640.000.000 (sáu tỷ sáu trăm bốn mươi triệu) đồng.

[4] Không chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Mỹ D, về việc buộc Công ty TNHH S1 hoàn trả phần tiền chia lợi nhuận với số tiền là 2.490.000.000 (hai tỷ bốn trăm chín mươi triệu) đồng.

[5] Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty TNHH S1 về việc: Tuyên bà Tôn Nữ Tuyết V, bà Trần Thị Kiều O1, bà Võ Thị Mỹ D không có góp vốn vào Công ty S1; Bãi bỏ từ cách thành viên góp vốn của bà Tôn Nữ Tuyết V, bà Trần Thị Kiều O1, bà Võ Thị Mỹ D trong Công ty S1; Tuyên ông Nguyễn Việt H3 (đã chết) không còn vốn góp trong Công ty S1.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bà Tôn Nữ Tuyết V và Công ty TNHH S1 mỗi người phải nộp 2.000.000 (hai triệu) đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu số 3066 ngày 29/9/2022 và số 3010 ngày 20/9/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Tôn Nữ Tuyết V và Công ty TNHH S1 đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[8] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[9] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Đường sự;
- Lưu.

Võ Văn Khoa